

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21/02/2022

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Tuấn Anh

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 781/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/01/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 13, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Ông Phạm Đăng K, sinh năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khối 4, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 13, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày có nội dung như sau:***

Bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Đăng K tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông vào ngày 03/12/2014.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, ông K ham mê cờ bạc dẫn đến không lo lắng cho gia đình, vợ con nên dẫn đến xảy ra xô xát và ông K thường xuyên đánh

bà S, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn được. Sau đó thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng đến năm 2020 ông K phạm tội về ma túy và bị Tòa án tuyên phạt 9 năm tù, hiện ông K đang đi chấp hành án tại đội 1, phân trại số 28, trại giam Đắk Trung, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà S xác định không còn tình cảm với ông Phạm Đăng K nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà S được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà S và ông K có một con chung là Phạm Công T, sinh ngày sinh ngày 29/7/2014; Hiện nay cháu T đang sống cùng bà S. Bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 05/01/2021 ông Phạm Đăng K trình bày:***

Ông Phạm Đăng K và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông K xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau. Nay bà S xác định không còn tình cảm với ông Phạm Đăng K nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà S được ly hôn với ông K, thì ông K không có ý kiến gì.

Về con chung: Ông K và bà S có một con chung là Phạm Công T, sinh ngày sinh ngày 29/7/2014. Bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung thì ông K không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết, thì ông K không có ý kiến gì.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Phạm Đăng K.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Công T, sinh ngày 29/7/2014 cho bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi thành niên.

Ông Phạm Đăng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Phạm Đăng K có cư trú, sinh sống tại thôn 13, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và có đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết, xét xử vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Đăng K hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam Trại giam Đắk Trung - Huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông K là phù hợp khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông K chung sống trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông vào ngày 03/12/2014, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, ông K ham mê cờ bạc dẫn đến không lo lắng cho gia đình, vợ con nên dẫn đến xảy ra xô xát và ông K thường xuyên đánh bà S, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn được. Sau đó thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng đến năm 2020 ông K phạm tội về ma túy và bị Tòa án tuyên phạt 9 năm tù, hiện ông K đang đi chấp hành án tại Đội 1, phân trại số 28, trại giam Đắk Trung, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Theo Bị đơn ông Phạm Đăng K trình bày nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương cho biết bà S và ông K là vợ chồng, có cư trú, sinh sống tại thôn 13, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do ông K không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con, ham mê cờ bạc nên dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát và cãi vã nhau, đến năm 2020 ông K phạm tội về ma túy và bị Tòa án tuyên phạt 9 năm tù, hiện ông K đang đi chấp hành án tại Đội 1, phân trại số 28, trại giam Đắk Trung, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông K đã trầm T, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay bà S đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Công T, sinh ngày sinh ngày 29/7/2014, hiện ông K đang đi chấp hành án

phạt tù nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung nên cần giao cháu Phạm Công T, sinh ngày sinh ngày 29/7/2014 cho bà S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Phạm Đăng K.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Công T, sinh ngày sinh ngày 29/7/2014 cho bà Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0012027 ngày 14/12/2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

#### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Loan**

